

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2022

V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Việt Hồng

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Ông Trần Văn Ý –
Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Mộng N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1992.

Nơi cư trú cuối cùng: Ấp A, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

(Chị N có mặt; anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị Mộng N trình bày:**

Do quen biết chị và anh H tiến tới hôn nhân năm 2011. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, tỉnh K. Sau khi cưới thì chị và anh H về bên nhà cha ruột chị sinh sống khoảng 04 năm thì chị và anh H đi Bình Dương làm công nhân. Tuy nhiên, thời gian không lâu anh H có biểu hiện đi sớm về tối, nảy sinh ra tính tình bất thường, bị lệch chuẩn về nhân cách con người đối xử với chị mờ nhạt, dấu hiệu là có người phụ nữ khác. Từ đó chị và anh H bắt đầu lục đục dẫn đến bất đồng về quan điểm, về lối sống, không còn phù hợp với nhau được nữa, phát sinh mâu thuẫn cãi vã với nhau. Anh H bắt đầu có hành vi hành hạ, đánh đập, xâm hại đến sức khỏe và đe dọa đến tính mạng của chị ngày càng nhiều, chị cố nhẫn nhịn vì hạnh phúc gia đình và khuyên ngăn anh H nhiều lần nhưng không có tác dụng. Anh H bỏ chị đi biệt biệt từ tháng 9 năm 2020 đến nay không có tin tức. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị quyết định xin ly hôn.

Trong quá trình chung sống chị và anh H có 01 con chung là Trần Quốc M, sinh ngày 13/5/2012, hiện do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Văn H vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị N xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn H; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Trần Quốc M, sinh ngày 13/5/2012, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh H: Vắng mặt không có lý do.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn vắng mặt không đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đỗ Thị Mộng N được ly hôn với anh Trần Văn H. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Trần Quốc M, sinh ngày 13/5/2012 cho chị N nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết do chị N không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không có tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nêu cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Đỗ Thị Mộng N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn H là tranh chấp dân sự về hôn nhân gia đình và khi chị N khởi kiện được Tòa án thụ lý giải quyết thì nơi cư trú cuối cùng của bị đơn là anh Trần Văn H tại ấp A, xã Đ, huyện A, tỉnh K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua yêu cầu của đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tiến hành thông báo nhắc tin trên các phương tiện thông tin về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy trường hợp vắng mặt của anh H không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị N và anh H là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên cơ sở quen biết. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị N nguyên nhân là chị và anh H đi Bình Dương làm công nhân. Tuy nhiên, thời gian không lâu anh H có biểu hiện đi sớm về tối, nảy sinh ra tính tình bất thường, bị lệch chuẩn về nhân cách con người đối xử với chị mờ nhạt, dấu hiệu là có người phụ nữ khác. Từ đó chị và anh H bắt đầu lục đục dẫn đến bất đồng về quan điểm, về lối sống, không còn phù hợp với nhau được nữa, phát sinh mâu thuẫn cãi vã với nhau. Anh H bắt đầu có hành vi hành hạ, đánh đập, xâm hại đến sức khỏe và đe dọa đến tính mạng của chị ngày càng nhiều, chị cố nhẫn nhịn vì hạnh phúc gia đình và khuyên ngăn anh H nhiều lần nhưng không có tác dụng. Anh H bỏ chị đi biệt từ tháng 9 năm 2020 đến nay không có tin tức. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị quyết định xin ly hôn.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tiến hành thông báo nhắc tin trên các phương tiện thông tin về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, không có văn bản thể hiện ý kiến, nguyện vọng của mình là muốn duy trì quan hệ hôn nhân này. Mặc dù, lời trình bày của chị N là đơn phương nhưng Hội đồng xét xử xét thấy chị N và anh H đã có thời gian ly thân khá lâu mà anh chị vẫn không thể hàn gắn lại được tình cảm, không tới lui để quan tâm, chăm sóc nhau là anh, chị đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị N xác định giữa chị và anh H có 01 con chung là Trần Quốc M, sinh ngày 13/5/2012, hiện do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị N và anh H ly thân cho đến nay là do chị N nuôi dưỡng con chung. Anh H không có ý kiến gì về việc chị N yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung. Do đó để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi của con chung nên cần tiếp tục giao con chung là Trần Quốc M, sinh ngày 13/5/2012 cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có. Anh H không có ý kiến tài sản chung cũng như nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp phát sinh có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[6] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đỗ Thị Mộng N được ly hôn với anh Trần Văn H

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Trần Quốc M, sinh ngày 13/5/2012 cho chị N nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Tiền cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Mộng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005251 ngày 21/01/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K. Xem như chị N đã thi hành xong phần án phí.

5. Chị Đỗ Thị Mộng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

